

PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG GIỮA VỢ VÀ CHỒNG TRONG GIA ĐÌNH BẮC TRUNG BỘ MỘT SỐ NHẬN XÉT BƯỚC ĐẦU

NGUYỄN HỮU MINH

Bài viết dựa trên phân tích số liệu khảo sát 605 người dân tại 6 xã/phường thuộc 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh năm 2013. Các phương pháp phân tích hai biến và đa biến đã được áp dụng nhằm xác định khuôn mẫu phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình và các yếu tố có liên quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình tại địa bàn khảo sát mang đặc trưng giới rõ nét. Người vợ chịu trách nhiệm chủ yếu đối với các công việc nội trợ, chăm sóc con cái hay chăm sóc người già, người ốm còn nam giới làm nhiều hơn công việc tiếp khách, việc họ tộc hay sửa chữa đồ dùng trong nhà. Về công việc sản xuất, kinh doanh chung của gia đình, người phụ nữ tập trung nhiều vào lĩnh vực nông nghiệp và buôn bán còn nam giới chịu trách nhiệm chủ yếu các công việc dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp. Khuôn mẫu phân công lao động đối với mỗi loại hình công việc có khác nhau theo đặc điểm người trả lời. Tuy nhiên nhìn chung một số đặc điểm như học vấn, nghề nghiệp, mức sống, tôn giáo, nơi cư trú của người trả lời có vai trò khá quan trọng.

1. ĐẶC ĐIỂM PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG GIỮA VỢ VÀ CHỒNG QUA MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TRƯỚC ĐÂY

Các công việc trong gia đình thường được chia thành một số loại hình như nội trợ, sản xuất kinh doanh hộ gia đình, chăm sóc thành viên trong gia đình (con nhỏ, người già, người đau ốm), giao tiếp (cụ thể như tiếp khách đến, đại diện gia đình giao tiếp với chính quyền). Các nhóm công việc này, đến lượt mình lại được phân ra chi tiết hơn. Chẳng hạn, công việc nội

trợ thường được hiểu là công việc tái sản xuất liên quan đến việc chăm sóc và duy trì hộ gia đình như: Nấu ăn, giặt giũ, mua thức ăn hàng ngày, dọn dẹp nhà cửa. Công việc sản xuất-kinh doanh cũng được chia ra thành các loại hình trồng trọt, chăn nuôi, lâm-ngư nghiệp, dịch vụ. Trên cơ sở sự phân loại như vậy, các nghiên cứu về phân công lao động trong gia đình thường nêu lên thực trạng ai làm việc gì trong gia đình, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vào sự phân công lao động giữa vợ và chồng.

Cho đến nay, phân công lao động trong gia đình chủ yếu được nghiên cứu ở khu vực nông thôn, nơi sự khác

Nguyễn Hữu Minh. Phó giáo sư tiến sĩ.
Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện
Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

biệt về giới thể hiện rõ nét hơn cả. Các nghiên cứu đã công bố cũng tập trung chủ yếu ở Bắc Bộ và Nam Bộ. Nghiên cứu ở miền Trung ít được thực hiện hơn. *Điều tra Gia đình Việt Nam 2006*⁽¹⁾ với mẫu đại diện quốc gia về hộ gia đình có thể coi là cuộc điều tra lớn gần đây nhất cung cấp thông tin về phân công lao động theo giới trong gia đình Việt Nam và cho phép so sánh theo các vùng miền.

Kết quả *Điều tra Gia đình Việt Nam 2006* chỉ ra sự bảo lưu của khuôn mẫu phân công lao động theo giới truyền thống trong các gia đình. Kể cả về nhận thức và hành vi, người phụ nữ và nam giới đều được gán cho những loại công việc nhất định, được coi là phù hợp với giới của mình. Chẳng hạn, đối với người phụ nữ/ người vợ đó là các công việc nội trợ, chăm sóc trẻ em, giữ tiền, chăm sóc người già/người ốm, còn người đàn ông/người chồng chịu trách nhiệm với các công việc sản xuất kinh doanh, tiếp khách lạ, thay mặt gia đình giao tiếp với chính quyền (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, và cơ quan khác 2008).

Tuy nhiên, số liệu *Điều tra Gia đình Việt Nam 2006* cũng cho thấy đã có sự thay đổi về sự tham gia của phụ nữ và nam giới vào những công việc vốn trước đây được quan niệm là của riêng một giới. Chẳng hạn, khoảng 62% người trả lời cho rằng công việc sản xuất kinh doanh đều phù hợp với cả nam và nữ. Đồng thời, có tỷ lệ cao những người trả lời coi việc chăm sóc người già/người ốm hay tiếp khách và

thay mặt gia đình giao tiếp với chính quyền là phù hợp với cả hai giới (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, và cơ quan khác, tr. 77).

Nhìn chung, những người vợ vẫn đảm nhận chính các công việc trong nhà và “đối nội”, trong khi đó, người chồng phụ trách chính các công việc ngoài nhà và “đối ngoại”. Tuy vậy, số liệu ở hầu hết các nghiên cứu cũng cho thấy, trong khi các công việc như nội trợ, chăm sóc trẻ em, giữ tiền có sự khác biệt về giới tính rõ nét, thì một số công việc khác như sản xuất kinh doanh, chăm sóc người già/ người ốm, tiếp khách, thay mặt gia đình giao tiếp với chính quyền có xu hướng giảm dần sự khác biệt giới tính, thể hiện ở tỷ lệ đáng kể cả hai vợ chồng cùng làm chính các công việc này.

Những nghiên cứu gần đây đã nêu lên những yếu tố chủ yếu có liên quan đến phân công lao động theo giới trong gia đình là: sống ở khu vực thành thị hay nông thôn; nghề nghiệp; học vấn; chu trình sống của gia đình và cơ cấu hộ gia đình; sự đóng góp của phụ nữ và nam giới vào thu nhập gia đình. Nhìn chung, người chồng trong các gia đình đô thị tham gia làm các công việc nội trợ nhiều hơn so với ở các gia đình nông thôn mặc dù sự khác biệt không lớn. Ngoài ra, sự có mặt của người giúp việc ở nhiều gia đình đô thị là yếu tố giúp giảm bớt công việc nội trợ của người mẹ, người vợ trong gia đình (Lê Thái Thị Băng Tâm, 2008). Nếu cả hai vợ chồng đều làm việc bên ngoài gia đình, thì có sự chia sẻ nhiều hơn giữa vợ và chồng.

Trong khi đó, nếu người chồng làm việc xa bên ngoài gia đình còn người vợ chủ yếu làm việc gần nhà thì khả năng người vợ tham gia vào công việc gia đình sẽ nhiều hơn (Lê Hải Đăng, 2007; Trần Quý Long, 2007).

Những cặp vợ chồng có học vấn cao thì người chồng cũng chia sẻ nhiều hơn công việc nội trợ với người vợ (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, và cơ quan khác 2008). Một trong những lý do là những người có học vấn cao hơn thì ít có định kiến giới hơn trong các công việc gia đình nên sẵn sàng tham gia công việc nhà hơn.

Quan niệm truyền thống về vai trò giới có ý nghĩa chi phối rất lớn đối với sự phân công lao động trong gia đình. Theo quan niệm này, những công việc nội trợ gia đình phải do phụ nữ đảm nhiệm bất kể là trong loại gia đình nào (Lê Thái Thị Băng Tâm, 2008).

Một khía cạnh văn hóa khác ảnh hưởng đến sự phân công lao động trong gia đình là tình cảm thương chồng, thương con, chăm lo cho gia đình của người phụ nữ. Vì vậy, người phụ nữ luôn cố gắng làm mọi việc trong gia đình. Nhiều phụ nữ cho rằng một gia đình hạnh phúc thì không thể thiếu một người vợ đảm đang trong công việc nội trợ, biết thu vén mọi công việc (Đặng Thanh Nhân, 2005). Những thành kiến giới như vậy về công việc nội trợ sẽ cản trở sự thay đổi của mô hình phân công lao động truyền thống. Chính nhiều người phụ nữ đã tự gắn mình với vai trò người nội trợ trong gia đình.

2. PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG GIỮA VỢ VÀ CHỒNG Ở KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ VÀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG

Số liệu phân tích về phân công lao động giữa vợ và chồng ở khu vực Bắc Trung Bộ được rút ra từ cuộc khảo sát phục vụ đề tài cấp Bộ về quan hệ gia đình ở khu vực Bắc Trung Bộ⁽²⁾. Lao động trong gia đình được phân thành hai lĩnh vực chủ yếu là công việc nhà và công việc sản xuất kinh doanh. Đối với mỗi lĩnh vực này lại được chia ra thành các công việc cụ thể như làm nội trợ, trông con, đưa đón con, sửa chữa đồ dùng, tiếp khách,... Dưới đây sẽ cung cấp những thông tin cơ bản nhất về thực trạng phân công lao động trong gia đình ở mỗi lĩnh vực và các yếu tố có liên quan.

Phân công công việc nhà

Một cách chung nhất có thể hình dung bức tranh về phân công lao động trong gia đình giữa vợ và chồng ở các địa bàn khảo sát hiện nay như ở biểu đồ 1 và 2. Số liệu trên các biểu đồ cho thấy, về cơ bản những công việc nhà vẫn do người vợ đảm nhận là chính, tuy nhiên sự tham gia của người chồng cũng chiếm một tỷ lệ khá cao ở một số công việc và sự phân bố tham gia của người chồng rất khác nhau theo các công việc. Trước hết, đối với công việc nội trợ, vốn là công việc truyền thống của phụ nữ, tỷ lệ phụ nữ chịu trách nhiệm chính về việc này cao một cách đáng kể, chiếm tới 85%, trong khi sự tham gia của nam giới chỉ có khoảng 5% và cả hai vợ chồng cũng chỉ chiếm khoảng 5%. Phát hiện

này không khác lắm với kết quả của *Điều tra Gia đình Việt Nam 2006*.

Tương tự như vậy, đối với việc chăm sóc con cái, bao gồm cả trông trẻ nhỏ và đưa đón con, cháu đi học, tỷ lệ người vợ chịu trách nhiệm cũng rất cao và cũng khá gần với tỷ lệ chung của toàn quốc theo *Điều tra Gia đình Việt Nam 2006*. Tỷ lệ chăm sóc người già, người ốm cũng chủ yếu do người phụ nữ đảm nhiệm, tuy nhiên sự tham gia của người nam giới vào công việc này có cao hơn so với các việc nội trợ và chăm sóc trẻ nhỏ. Tính chung, tỷ lệ đảm nhiệm công việc này do người vợ là 52% và cả hai vợ chồng cùng chịu trách nhiệm là 35,5%.

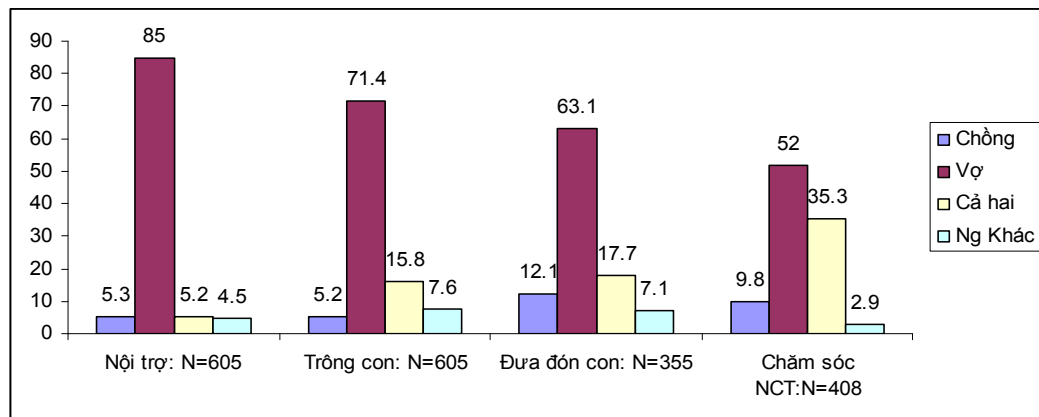
Với một số công việc nhà khác như tiếp khách chung của gia đình, đi họp hay giao tiếp với các cấp chính quyền, giải quyết việc họ tộc hoặc tham gia vào việc tang việc cưới của người trong họ hàng và bên ngoài thì sự tham gia của người chồng cao hơn so với người vợ. Chẳng hạn, đối với việc tiếp khách chung, có 37,7% là do người chồng đảm nhiệm, trong khi chỉ có 13,1% do người vợ đảm nhiệm, tuy

nhiên tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng đảm nhiệm là 46,9%. Phân bố này cho thấy ít sự phân biệt giới tính hơn trong công việc tiếp khách so với số liệu *Điều tra Gia đình Việt Nam 2006*, đồng thời cho thấy đã có sự thay đổi so với mô hình tiếp khách truyền thống chỉ do người chồng đảm nhiệm.

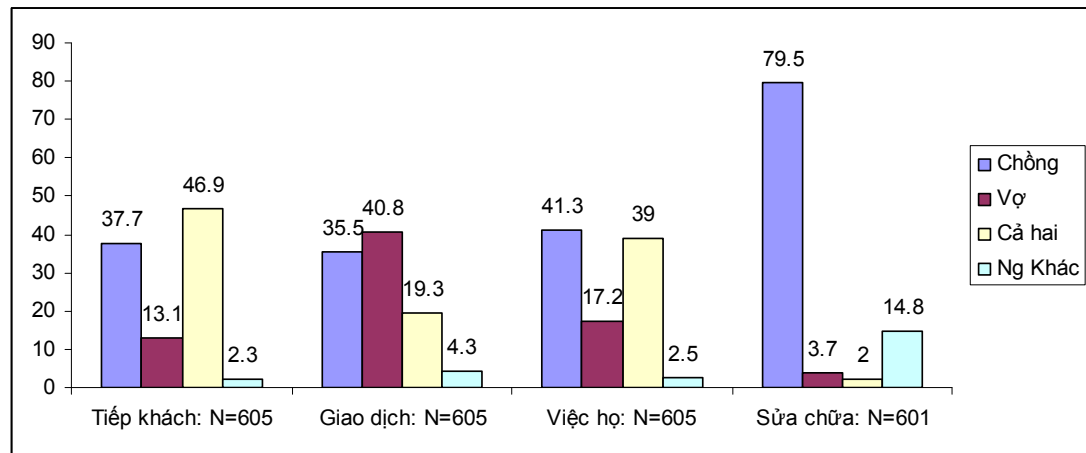
Tương tự như vậy, đối với việc đi họp và giao tiếp với chính quyền, tỷ lệ có sự tham gia của người vợ (chủ yếu hoặc ngang bằng với người chồng) cao hơn rõ rệt so với kết quả *Điều tra Gia đình Việt Nam 2006*. Tính chung có khoảng 60% công việc có sự tham gia của người vợ (với 41% do người vợ đảm nhiệm là chủ yếu và 19% tham gia cùng người chồng).

Điểm đặc biệt là công việc họ tộc, một công việc mang nặng tính biểu tượng với làng xóm, lâu nay thường vẫn gắn cho vai trò người chồng thì nay đã có sự tham gia tích cực của người phụ nữ. Khoảng 56% công việc này có gắn với sự tham gia của phụ nữ, trong đó khoảng 17% chủ yếu do một mình người phụ nữ đảm nhiệm và 39% là cả hai vợ chồng cùng chịu trách nhiệm.

Biểu đồ 1. Phân công nội trợ, chăm sóc con, chăm sóc người già, người ốm (%)⁽³⁾



Biểu đồ 2. Phân công tiếp khách, giao dịch chung, việc hộ hàng, sửa chữa đồ dùng



Đối với công việc sửa chữa đồ dùng sinh hoạt, tỷ lệ do người chồng chịu trách nhiệm chủ yếu là rất cao, khoảng 80%, còn sự tham gia của người vợ rất ít. Loại hình công việc này lâu nay ít được đo lường trong các cuộc khảo sát nhưng nó thể hiện rõ nét sự phân biệt giới, coi đây là trách nhiệm của nam giới.

Đi sâu phân tích về tỷ lệ người làm công việc nhà chủ yếu theo các nhóm người trả lời có thể thấy những khác biệt khá rõ nét giữa một số nhóm (xem Bảng 1, trong bảng chỉ trình bày những yếu tố có quan hệ chặt chẽ với sự phân công việc làm). Những biến số độc lập chủ yếu được xem xét bao gồm: nhóm tuổi, học vấn chồng, học vấn vợ, nghề chính của chồng, nghề chính của vợ, mức sống, nơi sống, tôn giáo.

Trước hết xét về công việc nội trợ, mặc dù ở cả 3 nhóm tuổi người vợ làm nội trợ vẫn chiếm tỷ lệ cao tuyệt đối, nhưng tỷ lệ người vợ làm nội trợ cao hơn ở các gia đình trẻ, còn ở gia đình lớn tuổi hơn có sự tham gia cao hơn của người chồng. Không có sự

khác biệt đáng kể về tỷ lệ người vợ làm nội trợ là chủ yếu trong các nhóm học vấn, nghề nghiệp, mức sống gia đình và tôn giáo khác nhau.

Đối với công việc trông con cháu, sự khác biệt đáng kể thể hiện chủ yếu theo các nhóm đặc điểm người vợ. Về cơ bản người vợ vẫn là người trông con, cháu chủ yếu trong gia đình. Nhóm người vợ có học vấn thấp hoặc cao nhất có tỷ lệ trông con, cháu là chủ yếu thấp hơn hai nhóm còn lại. Xét về nghề nghiệp thì nhóm người vợ làm công ăn lương có tỷ lệ chủ yếu chịu trách nhiệm trông con thấp hơn so với các nhóm khác, có lẽ do đặc thù nghề nghiệp của họ phải đi làm nên sự chia sẻ hai vợ chồng có cao hơn.

Tuy nhiên, đối với công việc đưa đón con tỷ lệ người vợ là nông dân chịu trách nhiệm chủ yếu cao hơn so với nhóm người vợ làm công ăn lương hay người vợ làm các công việc dịch vụ+tiểu thủ công nghiệp. Ở gia đình có mức sống khá thì tỷ lệ người chồng đưa đón con là chủ yếu cao hơn so với hai nhóm mức sống còn lại.

Đối với việc chăm sóc người già, người ốm các gia đình không theo đạo Thiên Chúa có tỷ lệ người vợ làm là chủ yếu cao hơn rõ rệt so với gia đình theo đạo nhưng đồng thời tỷ lệ người chồng làm là chủ yếu cũng cao hơn. Trong khi đó, việc phân công lao động không khác nhau đáng kể giữa các nhóm theo các đặc điểm khác.

Về việc tiếp khách chung, có sự khác biệt đáng kể theo các nhóm học vấn người vợ, nghề nghiệp người chồng và tôn giáo. Xu hướng chung là tỷ lệ người chồng có vợ học vấn thấp phải chịu trách nhiệm chủ yếu để tiếp khách tăng lên so với trường hợp người vợ có học vấn cao, đồng thời với người vợ có học vấn cao hơn thì tỷ lệ người vợ chịu trách nhiệm chính trong việc tiếp khách cũng cao hơn và sự chia sẻ của cả hai vợ chồng tăng lên. Những người chồng là nông dân có tỷ lệ chịu trách nhiệm chính về tiếp khách cao hơn. Những gia đình theo đạo Thiên Chúa có tỷ lệ người chồng đảm nhiệm chính việc tiếp khách cao hơn các gia đình không theo đạo Thiên Chúa và tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng đảm nhiệm chính cũng cao hơn.

Đối với công việc đại diện gia đình đi họp hay giao tiếp với các tổ chức, cơ quan bên ngoài số liệu không cho thấy sự khác biệt theo nhóm tuổi, học vấn người chồng, học vấn người vợ, nghề nghiệp người vợ, mức sống gia đình. Tuy nhiên với một số đặc điểm gia đình và cá nhân khác thì có mối liên hệ chặt chẽ với sự phân công theo giới tính. Cụ thể, người chồng làm công ăn lương ít đại diện cho gia đình

đi họp hay giao tiếp với bên ngoài, chủ yếu người vợ làm việc này. Trong khi đó, với người chồng là nông dân thì ngược lại, tỷ lệ người chồng làm chủ yếu việc này cao hơn so với người vợ. Ở khu vực đô thị tỷ lệ người chồng làm chính việc đại diện gia đình thấp hơn so với ở khu vực nông thôn, trong khi đó sự tham gia của người vợ thì cao hơn. Những người theo đạo Thiên Chúa thì có tỷ lệ người chồng đại diện gia đình cao hơn.

Với những công việc họ hàng, có xu hướng là những người chồng làm công ăn lương thì tỷ lệ làm chính việc họ hàng cũng thấp hơn những người làm nghề khác. Có thể là do những người làm công ăn lương thì thời gian đi làm chặt chẽ hơn, do đó họ có xu hướng để người vợ tham gia nhiều hơn. Những người sống ở đô thị thì tỷ lệ người chồng làm chính công việc họ hàng thấp hơn những người sống ở nông thôn. Những người không theo đạo Thiên Chúa có tỷ lệ người vợ đảm nhiệm chính công việc này cao hơn so với những người không theo đạo Thiên Chúa.

Đối với việc sửa chữa đồ dùng trong gia đình thì khuôn mẫu chung là người chồng làm chủ yếu, không phân biệt về tuổi, học vấn vợ, nơi cư trú, tôn giáo. Tuy nhiên có xu hướng những người chồng có học vấn Trung học cơ sở có tỷ lệ làm chính công việc này cao hơn hết cả các nhóm khác. Những người vợ có nghề nghiệp là dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp thì tỷ lệ họ làm chính công việc này cao hơn các nhóm khác.

Bảng 1. Tỷ lệ người làm công việc nhà chủ yếu trong gia đình phân theo các đặc điểm nhân khẩu - xã hội

Đặc điểm		Chồng	Vợ	Cả hai	Chung (N)
Người làm nội trợ chủ yếu					
Chung		5,5	88,9	5,5	578
Nhóm tuổi***	23-35	0,7	95,7	3,6	138
	36-45	6,5	83,5	10,0	200
	46-63	7,5	89,6	2,9	240
Người trông con cháu chủ yếu					
Chung		5,6	77,3	17,1	339
Học vấn Vợ**		5,6	77,2	17,2	338
	Tiểu học	4,8	68,2	27,0	63
	Trung học cơ sở	9,1	80,3	10,6	132
	Trung học phổ thông	3,7	82,2	14,1	107
	Trung cấp trở lên	0,0	66,7	33,3	36
Nghề chính Vợ**		5,6	77,2	17,2	338
	Hưởng lương	0,0	65,1	34,9	43
	Dịch vụ	5,9	76,5	17,6	68
	Nông nghiệp	5,6	80,3	14,1	213
	Không làm việc	21,4	71,4	7,2	14
Người đưa đón con cháu chủ yếu					
Chung		13,0	67,9	19,1	330
Nghề chính Vợ**		13,1	67,8	19,1	329
	Hưởng lương	10,9	60,9	28,2	46
	Dịch vụ	23,9	52,2	23,9	71
	Nông nghiệp	9,0	74,5	16,5	200
	Không làm việc	25,0	75,0	0,0	12
Mức sống gia đình **		13,0	67,9	19,1	330
	Khá	21,4	57,1	21,4	42
	Trung bình	12,3	73,1	14,6	212
	Dưới trung bình	10,5	59,2	30,3	76
Người chăm sóc người già người ốm chủ yếu					
Chung		10,1	53,5	36,4	396
Tôn giáo **		10,1	53,5	36,4	396
	Không Thiên Chúa	11,0	57,0	32,0	291
	Thiên Chúa	7,6	43,8	48,6	105
Người tiếp khách gia đình chủ yếu					
Chung		38,6	13,4	48,1	591
Học vấn Vợ**		38,5	13,4	48,1	590
	Tiểu học	50,6	4,9	44,5	81
	Phổ thông cơ sở	41,7	11,6	46,7	242

	Phổ thông trung học	32,4	18,4	49,2	207
	Trung cấp trở lên	30,0	15,0	55,0	60
Nghề chính Chồng**		38,5	13,5	48,0	587
	Hưởng lương	31,1	16,0	52,9	119
	Dịch vụ	30,3	14,3	55,4	119
	Nông nghiệp	44,5	10,6	44,9	283
	Không làm việc	40,9	19,7	39,4	66
Tôn giáo **		38,6	13,4	48,1	591
	Không Thiên Chúa	37,2	16,0	46,8	444
	Thiên Chúa	42,9	5,4	51,7	147
Người đại diện đi họp chủ yếu					
Chung		37,1	42,7	20,2	579
Nghề chính Chồng**		37,2	42,7	20,1	576
	Hưởng lương	27,8	50,4	21,8	115
	Dịch vụ	37,7	43,0	19,3	114
	Nông nghiệp	43,3	36,6	20,1	284
	Không làm việc	25,4	55,6	19,0	63
Nơi sống **		37,1	42,7	20,2	579
	Đô thị	29,3	44,5	26,2	191
	Nông thôn	41,0	41,8	17,3	388
Tôn giáo **		37,1	42,7	20,2	579
	Không Thiên Chúa	35,9	45,6	18,5	432
	Thiên Chúa	40,8	34,0	25,2	147
Người làm công việc hộ hàng chủ yếu					
Chung		42,4	17,6	40,0	590
Nghề chính Chồng***		42,2	17,7	40,1	587
	Hưởng lương	25,0	25,0	50,0	120
	Dịch vụ	44,2	18,3	37,5	120
	Nông nghiệp	50,9	12,5	36,6	281
	Không làm việc	33,3	25,8	40,9	66
Nơi sống của NTL**		42,4	17,6	40,0	590
	Đô thị	34,7	19,1	46,2	199
	Nông thôn	46,3	16,9	36,8	391
Tôn giáo NTL **		42,4	17,6	40,0	590
	Không Thiên Chúa	43,2	19,9	36,9	442
	Thiên Chúa	39,9	10,8	49,3	148
Người sửa chữa đồ dùng chủ yếu					
Chung		93,4	4,3	2,3	512
Học vấn Chồng**		93,6	4,4	2,0	502
	Tiểu học	88,1	11,9	0,0	42
	Phổ thông cơ sở	98,4	1,1	0,5	188
	Phổ thông trung học	92,8	4,8	2,4	209
	Trung cấp trở lên	85,7	7,9	6,4	63

Nghề chính	Vợ**	93,3	4,3	2,4	511
	Hưởng lương	92,2	1,6	6,2	64
	Dịch vụ	90,3	8,0	1,7	113
	Nông nghiệp	95,0	3,2	1,8	317
	Không làm việc				17

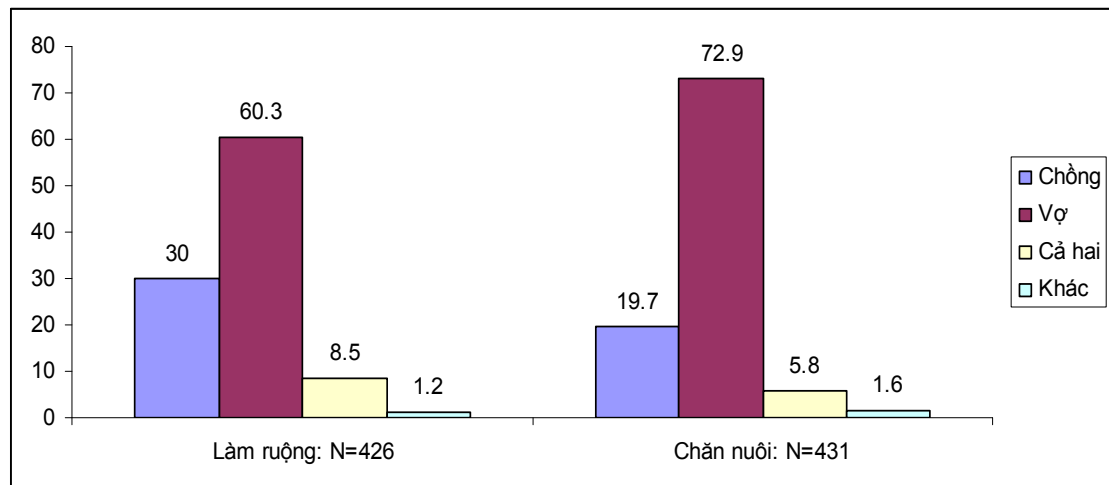
Mức ý nghĩa: ** $p < 0,05$; *** $p < 0,001$

Phân công lao động sản xuất

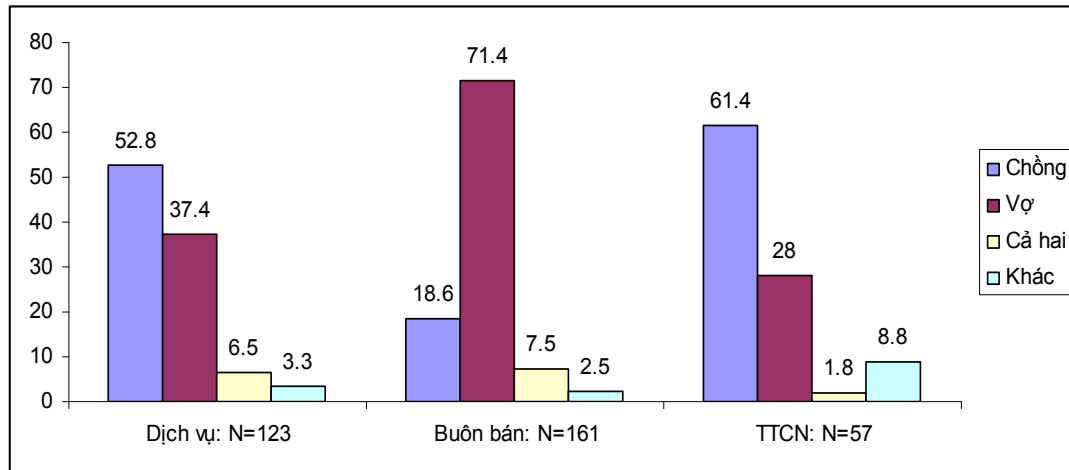
Việc phân công lao động sản xuất trong gia đình được phân thành các việc sau: làm ruộng, chăn nuôi, dịch vụ, buôn bán, tiểu thủ công nghiệp. Đối với mỗi loại việc chỉ có một số lượng nhất định gia đình có tham gia. Khuôn mẫu chung về phân công lao động giữa vợ và chồng đối với các công việc sản xuất, kinh doanh chung của hộ gia đình được trình bày ở biểu đồ 3 và 4. Một cách chung nhất có thể thấy rằng đối với các công việc sản xuất kinh doanh của hộ gia đình có sự phân công khá rõ ràng giữa vợ và chồng. Tỷ lệ các việc cả hai cùng làm chủ yếu khá thấp, dưới 10% đối với tất cả các loại hình công việc. Tỷ lệ

người khác trong gia đình (bố mẹ con cái người trả lời hoặc người khác) là người làm chủ yếu còn ít hơn, trên dưới 3% ngoại trừ đối với hoạt động tiểu thủ công nghiệp là gần 9%. Sự phân công giữa vợ và chồng cũng khá tiêu biểu cho khuôn mẫu chung đã được phát hiện ở các nghiên cứu khác, đó là các công việc liên quan đến nông nghiệp và buôn bán thì người làm chủ yếu vẫn là người vợ, còn đối với các công việc liên quan đến dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp thì người làm chính là người chồng. Cụ thể hơn, đối với việc làm ruộng tỷ lệ người vợ làm chủ yếu gấp đôi người chồng, với việc chăn nuôi thì người vợ làm chủ yếu gấp gần 4 lần tỷ lệ người

Biểu đồ 3. Phân công làm ruộng và chăn nuôi trong gia đình



Biểu đồ 4. Phân công công việc buôn bán, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp trong gia đình



chồng làm và việc buôn bán thì cũng gấp khoảng 4 lần. Trong khi đó, với công việc dịch vụ thì tỷ lệ người chồng làm chủ yếu gấp khoảng 1,5 lần so với tỷ lệ người vợ làm chủ yếu và làm tiểu thủ công nghiệp thì tỷ lệ này hơn gấp đôi.

Dưới đây phân tích sâu hơn những khác biệt giữa các nhóm xã hội về sự phân công lao động theo các loại hình công việc (Bảng 2, chỉ trình bày những biến số có quan hệ chặt với việc phân công lao động). Trước hết đối với công việc làm ruộng, có thể thấy rằng, khuôn mẫu phân công chung vừa phân tích ở trên thể hiện ở hầu hết các nhóm xã hội theo lứa tuổi, học vấn, mức sống gia đình. Sự khác biệt không lớn thể hiện chủ yếu giữa nhóm theo đạo Thiên Chúa và không theo đạo, với xu hướng là tỷ lệ người vợ làm ruộng chủ yếu ở nhóm theo đạo Thiên Chúa là cao hơn.

Đối với công việc chăn nuôi và dịch vụ, tình hình cũng tương tự. Gần như

không có khác biệt đáng kể giữa các nhóm người trả lời với đặc tính cá nhân và gia đình khác nhau về khuôn mẫu phân công lao động trong gia đình có liên quan đến chăn nuôi và dịch vụ.

Về công việc buôn bán, có sự khác biệt giữa các nhóm học vấn và nơi cư trú. Tỷ lệ những người vợ làm buôn bán chủ yếu cao hơn cả trong nhóm học vấn thấp. Ở khu vực nông thôn tỷ lệ người phụ nữ làm buôn bán chủ yếu là cao hơn đáng kể so với ở khu vực đô thị. Đối với công việc tiểu thủ công nghiệp do số lượng mẫu quá nhỏ nên chúng tôi không chia theo các đặc điểm.

Tóm lại, trừ một vài khác biệt không đáng kể, nhìn chung khuôn mẫu phân công lao động về sản xuất kinh doanh của hộ gia đình vẫn mang tính chất truyền thống với người phụ nữ làm nông nghiệp và buôn bán là chủ yếu còn người chồng chiếm tỷ lệ cao hơn ở các công việc dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

Bảng 2. Tỷ lệ người làm lao động sản xuất chủ yếu trong gia đình phân theo các đặc điểm nhân khẩu-xã hội (%)

Đặc điểm		Chồng	Vợ	Cả hai	Chung (N)
Người làm ruộng chủ yếu		30,4	61,0	8,6	421
Tôn giáo **		30,4	61,0	8,6	421
	Không Thiên Chúa	33,5	59,7	6,8	278
	Thiên Chúa	24,5	63,6	11,9	143
Người chăn nuôi chủ yếu		20,0	74,1	5,9	424
Người làm dịch vụ chủ yếu		54,6	38,7	6,7	119
Người buôn bán chủ yếu		19,1	73,2	7,6	157
Học vấn Chồng**		19,0	73,2	7,8	153
	THCS + Tiểu học	7,9	85,7	6,3	63
	THPT trở lên	26,7	64,4	8,9	90
	Học vấn Vợ**	19,1	73,2	7,7	157
	THCS + Tiểu học	9,0	84,6	6,4	78
Nơi sống **	THPT trở lên	29,1	62,0	8,9	79
		19,1	73,2	7,6	157
	Đô thị	22,9	64,3	12,9	70
	Nông thôn	16,1	80,5	3,4	87

Mức ý nghĩa: ** $p < 0,05$; *** $p < 0,001$

3. QUAN NIỆM VỀ VAI TRÒ CỦA VỢ VÀ CHỒNG ĐỐI VỚI SỰ PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG TRONG GIA ĐÌNH BẮC TRUNG BỘ

Trong phần này sẽ phân tích những quan niệm về vai trò của vợ và chồng có liên quan đến hoạt động tạo thu nhập và tái sản xuất trong gia đình, điều này giúp lý giải khuôn mẫu phân công lao động trong thực tế. Người trả lời được yêu cầu đánh giá theo nhận định sau: công việc của người chồng là kiếm tiền, công việc của người vợ là chăm sóc nhà cửa và gia đình.

Tính chung có gần 60% người trả lời đồng ý với nhận định này và có sự

khác biệt đáng kể giữa nam và nữ (xem Bảng 3). Điều đáng quan tâm là tỷ lệ đồng ý với sự phân công này cao hơn đáng kể trong số những người trả lời là nữ với mức chênh lệch giữa hai giới lên đến khoảng 20 điểm phần trăm. Nói cách khác, khuôn mẫu giới trong phân công lao động ở gia đình bảo lưu nặng nề hơn ở nữ giới so với nam giới. Chỉ có các nhóm tuổi khác nhau là không có sự phân biệt đáng kể trong tỷ lệ đồng ý với nhận định, còn lại các nhóm phân chia theo học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú, tôn giáo, đều có những khác biệt về tỷ lệ đồng ý. Cụ thể, những người có học vấn

cao thì tỷ lệ đồng ý thấp hơn rõ rệt so với những người có học vấn thấp, những làm công ăn lương có tỷ lệ đồng ý thấp hơn các nhóm nghề khác, những người có mức sống khá có tỷ lệ đồng ý thấp hơn những người có mức sống trung bình trở xuống, những người sống ở khu vực đô thị có

tỷ lệ đồng ý thấp hơn những người sống ở nông thôn. Cuối cùng là những người không theo đạo Thiên Chúa có tỷ lệ đồng ý thấp hơn những người theo đạo Thiên Chúa.

Khi thực hiện mô hình hồi quy đa biến với tất cả các biến số độc lập được kiểm soát, kết quả cho thấy các yếu tố

Bảng 3. Tỷ lệ đồng ý với nhận định phân theo đặc điểm người trả lời

Đặc điểm		Đồng ý nhận định		Phân tích đa biến	
		Tỷ lệ %	N	Tỷ số chênh lệch	N
Chung		58,7	600		575
Giới tính ***	Nam	42,9	119	0,5**	110
	Nữ	62,6	481	1	465
Nhóm tuổi	23-35	55,8	147	0,7	140
	36-45	57,1	203	0,8	197
	46-63	61,6	250	1	238
Học vấn NTL ***	Tiểu học	71,3	80	2,1	79
	THCS	68,2	233	2,5**	223
	THPT	54,1	218	1,8	205
	Trung cấp trở lên	25,0	68	1	68
Nghề NTL ***	Hưởng lương	25,6	82	0,4**	82
	Dịch vụ	56,1	123	0,9	123
	Nông nghiệp	67,0	370	1	370
	Không làm việc	54,2	24		
Mức sống NTL **	Khá	45,8	83	1,0	81
	Trung bình	60,5	392	1,4	376
	Dưới trung bình	61,6	125	1	118
Nơi sống NTL ***	Đô thị	58,7	600		
	Nông thôn	48,5	206	0,8	191
		64,0	394	1	384
Tôn giáo NTL ***	Không Thiên Chúa	54,1	453	0,6*	431
	Thiên Chúa	72,8	147	1	144
R square				0,17	

Mức ý nghĩa thống kê: * $P < 0,1$ ** $P < 0,05$ *** $P < 0,001$

Lưu ý: Các ký hiệu (*) ở cột 1 chỉ mức ý nghĩa thống kê của phân tích hai biến, ở cột 6 chỉ mức ý nghĩa thống kê của phân tích đa biến.

giới tính, học vấn, nghề và tôn giáo của người trả lời vẫn có vai trò mạnh đối với khả năng người trả lời đồng ý với nhận định về công việc kiếm tiền là thuộc về người chồng. Nữ giới, người có học vấn thấp, người theo đạo Thiên Chúa có xu hướng đồng ý cao hơn, trong khi đó người làm công ăn lương có xu hướng không đồng ý cao hơn (xem Bảng 3).

Nhận xét chung

Kết quả phân tích cho thấy rằng sự phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình tại 6 địa phương ở Nghệ An và Hà Tĩnh không khác biệt nhiều với khuôn mẫu chung ở *Điều tra Gia đình Việt Nam 2006*, người vợ chịu trách nhiệm chủ yếu đối với các công việc nội trợ, việc chăm sóc con cái hay chăm sóc người già, người ốm, nam giới làm nhiều hơn đối với công việc tiếp khách, việc họ tộc hay việc sửa chữa đồ dùng trong nhà. Điểm khác biệt với số liệu chung của quốc gia là tỷ lệ người phụ nữ chịu trách nhiệm chủ yếu việc đi họp hay giao dịch với bên ngoài tại các địa bàn khảo sát là cao hơn đáng kể so với tỷ lệ chung. Nguyên nhân có thể là do nhận thức về sự phân công lao động theo giới thay đổi khi người phụ nữ có đủ trình độ và điều kiện để làm công việc này nhưng có lẽ một phần cũng do người chồng hay phải đi làm xa.

Đối với công việc sản xuất kinh doanh chung của gia đình tình hình cũng tương tự. Những người phụ nữ chịu trách nhiệm chủ yếu đối với các công việc thuộc về lĩnh vực nông nghiệp và buôn bán, trong khi đó nam giới có tỷ

lệ chịu trách nhiệm chủ yếu các công việc dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp cao hơn.

Các đặc điểm của người trả lời có liên hệ với sự phân công lao động theo những mức độ khác nhau và tùy thuộc vào mỗi loại hình công việc. Đối với công việc nội trợ thì nhóm tuổi có mối quan hệ chặt chẽ với việc người chồng hay người vợ làm chủ yếu nội trợ. Với việc chăm sóc con cái và người già, người ốm thì các yếu tố như học vấn người vợ, nghề của người vợ, mức sống, tôn giáo có tương quan chặt. Với công việc tiếp khách thì học vấn người vợ, nghề chính người chồng và tôn giáo người trả lời là quan trọng. Đại diện gia đình đi họp hay giao tiếp với chính quyền thì nghề chính của người chồng có vai trò quan trọng, nếu người chồng làm công ăn lương thì tỷ lệ người vợ làm đại diện gia đình là chủ yếu cao hơn. Người chồng ở khu vực đô thị có tỷ lệ làm đại diện gia đình thấp hơn so với ở nông thôn. Người phụ nữ trong gia đình không theo đạo Thiên Chúa có tỷ lệ đại diện gia đình cao hơn. Với công việc họ tộc, yếu tố nghề chính của người chồng, nơi cư trú và tôn giáo người trả lời cũng có vai trò quan trọng theo xu hướng như ở công việc đại diện gia đình. Đối với công việc sửa chữa đồ dùng trong gia đình thì các đặc điểm nghề nghiệp của vợ cũng như học vấn của người chồng là quan trọng.

Trong sự phân công lao động giữa vợ và chồng, khuôn mẫu giới còn bảo lưu khá rõ tại địa bàn khảo sát. Như kết quả phân tích đã chỉ ra, gần 60%

người trả lời, mà điều đáng quan tâm là đại bộ phận trong số đó là nữ, đã đồng ý với nhận định cho rằng “công việc của người chồng là kiếm tiền, công việc của người vợ là chăm sóc nhà cửa và gia đình”, hơn thế nữa tỷ lệ đồng ý của nữ cao hơn nam một

cách rõ rệt. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rõ vai trò của yếu tố học vấn hoặc những người làm công ăn lương (được hiểu là tiếp cận với luật pháp chính sách về bình đẳng giới nhiều hơn) đối với vấn đề nhận thức này. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Cuộc điều tra được tiến hành tại 775 phường/xã với 9.300 hộ gia đình. Có 8.573 đại diện hộ gia đình ở độ tuổi 18-60, 2.664 người cao tuổi ở độ tuổi 61 trở lên và 2.452 trẻ vị thành niên độ tuổi 15-17 đã được phỏng vấn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008).

⁽²⁾ Số liệu được thu thập tại 6 xã/phường thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh (phường Lê Mao thuộc thành phố Vinh, xã Quỳnh Thanh và Quỳnh Yên thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; phường Đại Nài thuộc thành phố Hà Tĩnh, xã Tùng Ảnh và Đức Lạng thuộc huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh). Mẫu khảo sát gồm 605 người, gồm 119 nam và 486 nữ, khu vực đô thị là 207 người, nông thôn là 398 người.

⁽³⁾ Nguồn số liệu của tất cả các bảng, biểu đồ trong bài viết này đều từ Khảo sát của đề tài tại 6 phường/xã ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác. 2008. *Kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006*. Hà Nội: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UNICEF Việt Nam.
2. Đặng Thanh Nhân. 2005. *Phân công lao động nội trợ giữa vợ và chồng trong gia đình nông thôn Đồng bằng Bắc Bộ. Nghiên cứu trường hợp ở Lộc Hòa, Nam Định*. Báo cáo điền dã, Lớp Liên ngành khoa học xã hội khóa 4.
3. Lê Hải Đăng. 2007. *Ảnh hưởng của nghề nghiệp đến bình đẳng giới trong thực hiện công việc nội trợ* (Nghiên cứu trường hợp tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội). Báo cáo điền dã, Lớp Liên ngành khoa học xã hội khóa 5.
4. Lê Thái Thị Băng Tâm. 2008. *Phân công lao động và ra quyết định trong gia đình*. trong Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (Eds.). *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
5. Trần Quý Long. 2007. *Lao động nội trợ của phụ nữ trong gia đình nông thôn*. Tạp chí Xã hội học, số 4 (100), 2007.